

Bài 10

CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC) (tiếp theo)

Tiết 3 Thực hành
TÌM HIỂU SỰ THAY ĐỔI CỦA NỀN KINH TẾ TRUNG QUỐC

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS cần :

1. Kiến thức

Chứng minh được sự thay đổi của nền kinh tế Trung Quốc qua tăng trưởng của GDP, sản phẩm nông nghiệp và của ngoại thương.

2. Kĩ năng

- Phân tích, so sánh tư liệu, số liệu, lược đồ để có được kiến thức trên.
- Vẽ biểu đồ cơ cấu xuất, nhập khẩu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Biểu đồ vẽ theo số liệu SGK (phóng to).
- Tư liệu về thành tựu kinh tế của Trung Quốc (nếu có).

III. TRỌNG TÂM BÀI

Nền kinh tế Trung Quốc đã có những thay đổi quan trọng trong 20 năm qua (1985 – 2005) thể hiện ở tốc độ tăng trưởng GDP và tăng trưởng của ngành nông nghiệp và ngoại thương.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

GV có thể nhắc lại ý giới thiệu về Trung Quốc ở đầu bài này để vào bài (tiết 1 và tiết 2).

MỤC I. THAY ĐỔI TRONG GIÁ TRỊ GDP

*** Hoạt động 1 :** Tìm hiểu sự thay đổi trong giá trị GDP

GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để tính tỉ trọng và nhận xét.

HS tính được tỉ trọng GDP của Trung Quốc so với thế giới, kết quả như sau (đơn vị%) :

1985	1995	2004
1,93	2,37	4,03

Nhận xét :

- Tỉ trọng GDP của Trung Quốc đóng góp vào GDP của thế giới tăng, từ 1,93% năm 1985 lên 4,03% năm 2004 ; tăng đều.
- Trung Quốc ngày càng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế thế giới.

MỤC II. THAY ĐỔI TRONG SẢN LƯỢNG NÔNG NGHIỆP

* Hoạt động 2 : Tìm hiểu sự thay đổi trong sản lượng nông nghiệp

GV hướng dẫn HS đọc nhanh bảng 10.3 SGK, để thấy sản lượng của một số nông phẩm của năm 2004 so với 1985 đều tăng. Sau đó, GV yêu cầu HS chọn 2 trong số 7 nông phẩm để nhận xét chi tiết. HS cần tính được qua các năm, sản lượng tăng hay giảm, số tăng cụ thể. HS cần thông báo kết quả để GV ghi bảng và HS cả lớp bổ sung kết quả trong báo cáo của mình. (Chú ý cho HS cả lớp tính hết các loại nông sản).

BẢNG : SỰ THAY ĐỔI SẢN LƯỢNG NÔNG SẢN QUA CÁC NĂM

(Đơn vị : triệu tấn ; tăng : + ; giảm : -)

Nông sản	Sản lượng năm 1995 so với năm 1985	Sản lượng năm 2000 so với năm 1995	Sản lượng năm 2004 so với năm 2000
Lương thực	+ 78,8	-11,3	+15,3
Bông (sợi)	+ 0,6	-0,3	+1,3
Lạc	+ 3,6	+4,2	-0,1
Mía	+ 11,5	-0,9	+23,9
Thịt lợn	-	+ 8,7	+6,7
Thịt bò	-	+1,8	+1,4
Thịt cừu	-	+0,9	+1,3

Nhận xét : Nhìn chung sản lượng nông sản tăng. Tuy nhiên một số nông sản có sản lượng ở năm 2000 so với năm 1995 giảm (lương thực, bông, mía).

- Một số nông sản có sản lượng đứng thứ nhất trên thế giới (lương thực, bông, thịt lợn).

MỤC III. THAY ĐỔI TRONG CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT – NHẬP KHẨU

* Hoạt động 3 : Tìm hiểu sự thay đổi trong cơ cấu giá trị xuất – nhập khẩu

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân. GV làm rõ yêu cầu của bài thực hành để HS chọn cách vẽ biểu đồ thể hiện rõ cơ cấu xuất, nhập khẩu.

- Vẽ biểu đồ hình tròn, mỗi vòng tròn là một năm.

– *Nhận xét :*

- + Tỷ trọng xuất khẩu tăng lên từ năm 1985 đến năm 1995, sau đó lại giảm vào năm 2004. Nhưng nhìn chung từ năm 1985 đến năm 2004 tỷ trọng xuất khẩu tăng.
- + Tỷ trọng nhập khẩu giảm từ năm 1985 đến năm 1995, sau đó lại tăng vào năm 2004. Nhưng nhìn chung cả thời kì giảm.
- + Năm 1985 Trung Quốc nhập siêu.
- + Các năm 1995, 2004, Trung Quốc xuất siêu.

Sau khi HS vẽ và nhận xét xong. GV có thể thu vở một số HS để nhận xét hoặc chấm điểm.